

Họ và tên: Lớp:

ĐỀ BÀI

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM: (3,0 điểm).

(Khoanh tròn vào chữ cái đứng trước câu trả lời đúng).

Câu 1: Tập hợp A các số tự nhiên lớn hơn 5 và nhỏ hơn 10 là?A. $A = \{6; 7; 8; 9\}$.B. $A = \{5; 6; 7; 8; 9\}$.C. $A = \{6; 7; 8; 9; 10\}$.D. $A = \{6; 7; 8\}$.**Câu 2:** Trong các số sau, số nào vừa chia hết cho 9 và chia hết cho 3?

A. 1230.

B. 2030.

C. 2520.

D. 2715.

Câu 3: Trong các số sau, số nào là bội của 14?

A. 28.

B. 18.

C. 2.

D. 7.

Câu 4: Trong các hình sau hình nào có nhiều hơn 1 trục đối xứng?

Hình 1

Hình 2

Hình 3

Hình 4

A. Hình 1.

B. Hình 2.

C. Hình 3.

D. Hình 4.

Câu 5: UCLN(12, 18) bằng:

A. 12.

B. 18.

C. 6.

D. 9.

Câu 6: Số đối của -56 là:

A. 56.

B. - 82.

C. 28.

D. - 28.

Câu 7: Kết quả của phép tính $5 \cdot 3^2 - 48 : 4^2$ bằng:

A. 24.

B. 27.

C. 39.

D. 42.

Câu 8: Bỏ dấu ngoặc của biểu thức $12 - (x + 2)$ ta được.A. $12 - x + 2$.B. $12 - x - 2$.C. $12 + x + 2$.D. $-12 - x - 2$.**Câu 9:** Trong các hình dưới đây, hình nào có tâm đối xứng?

a)



b)



c)



d)

A. a); b); c).

B. a); c); d).

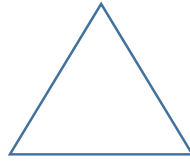
C. b); c).

D. c); d).

Câu 10: Tam giác đều có mấy trục đối xứng?

- A. 1.
C. 3.

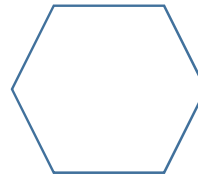
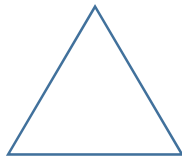
- B. 2.
D. 0.



Câu 11: Hình thang cân có những yếu tố cơ bản nào?

- A. Hai cạnh bên bằng nhau, hai cạnh đáy song song với nhau, hai đường chéo bằng nhau, hai góc kề một đáy bằng nhau.
B. Hai cạnh bên song song, hai cạnh đáy song song với nhau, hai đường chéo bằng nhau, hai góc kề một đáy bằng nhau.
C. Hai cạnh bên bằng nhau, hai cạnh đáy song song với nhau, hai đường chéo bằng nhau, hai góc đối bằng nhau.
D. Hai cạnh bên bằng nhau, bốn góc bằng nhau.

Câu 12: Hãy liệt kê tên của các hình sau theo thứ tự từ trái sang phải?



- A. Tam giác đều – hình vuông – hình lục giác đều.
B. Hình vuông – hình tam giác đều – hình lục giác đều.
C. Hình lục giác đều – hình vuông – hình tam giác đều.
D. Tam giác đều – hình lục giác đều – hình vuông.

II. PHẦN TỰ LUẬN: (7,0 điểm).

Câu 13: (1,5 điểm) Thực hiện phép tính (tính hợp lí nếu có thể):

- a) $21 \cdot 7 + 21 \cdot 57$
b) $215 + 43 + (-15) + (-23)$
c) $29 - [16 + 3 \cdot (51 - 49)]$

Câu 14: (1,5 điểm) Tìm x, biết:

- a) $x + (-5) = -18$ b) $x + 15 = 12$ c) $541 + (218 - x) = 735$

Câu 15: (1,5 điểm) Một lớp học có 20 nam và 16 nữ. Có thể chia lớp này nhiều nhất thành mấy tổ sao cho số nam và nữ ở các tổ đều bằng nhau. Lúc đó, ở mỗi tổ có bao nhiêu nam và bao nhiêu nữ?

Câu 16: (0,5 điểm) Mẹ Bình đi chợ mua 12kg gạo, 1kg thịt heo và 2kg trái cây các loại. Tính tổng số kg mặt hàng mà mẹ Bình đã mua.

Câu 17: (1,0 điểm) Một thửa ruộng hình thang có các kích thước là đáy trên 15m, đáy dưới 25m, chiều cao 10m. Tính diện tích mảnh ruộng.

Câu 18: (1,0 điểm) Nhà bác Hùng có một thửa ruộng hình chữ nhật dùng để trồng rau sạch. Biết chiều rộng của thửa ruộng bằng 5m, chiều dài gấp đôi chiều rộng. Cứ mỗi m^2 đất, bác trồng hết 15 000 đồng rau giống. Hỏi bác Hùng phải trả tất cả bao nhiêu tiền để mua rau giống?

- HẾT -